

Câu	Phần	Nội dung	Điểm
1		<b>Khái niệm bản đồ địa chính:</b> Bản đồ địa chính là bản đồ thể hiện trọn các thửa đất và các đối tượng chiếm đất nhưng không tạo thành thửa đất, các yếu tố quy hoạch đã phê duyệt, các yếu tố địa lý có liên quan; lập theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, được cơ quan thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh xác nhận.	0,5
		<b>Tính chất cơ bản của bản đồ địa chính:</b> - Tính địa lý: xác định vị trí địa vật, địa hình khu vực; - Tính kinh tế: ở vị trí và mục đích sử dụng của thửa đất. - Tính pháp lý: phục vụ quản lý chặt chẽ đất đai đến từng thửa, từng chủ sử dụng đất. Tính pháp lý của bản đồ địa chính còn được thể hiện trong hồ sơ địa chính.	0,5
		<b>Mục đích sử dụng bản đồ địa chính</b> - Làm cơ sở để thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất (hay gọi tắt là đăng ký đất đai), giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.	0,25
		- Xác nhận hiện trạng về địa giới hành chính xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là huyện); tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh). - Xác nhận hiện trạng, thể hiện biến động và phục vụ cho chính lý biến động của từng thửa đất trong từng đơn vị hành chính xã	0,25
		- Làm cơ sở để lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng các khu dân cư, đường giao thông, cấp thoát nước, thiết kế các công trình dân dụng và làm cơ sở để đo vẽ các công trình ngầm.	0,25
		- Làm cơ sở để thanh tra tình hình sử dụng đất và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai. - Làm cơ sở để thống kê và kiểm kê đất đai. - Làm cơ sở để xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai các cấp.	0,25
<b>Tổng điểm câu 1</b>			<b>2,0 đ</b>
2		Các dạng biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: - Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;	0,5

<b>Câu</b>	<b>Phần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được phép đổi tên;</li> <li>- Có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích, số hiệu, địa chỉ thửa đất;</li> <li>- Có thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký;</li> </ul>	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển mục đích sử dụng đất;</li> <li>- Có thay đổi thời hạn sử dụng đất;</li> <li>- Chuyển từ hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm sang hình thức thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê; từ hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất; từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật này.</li> </ul>	0,5
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của vợ hoặc của chồng thành quyền sử dụng đất chung, quyền sở hữu tài sản chung của vợ và chồng;</li> <li>- Chia tách quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của tổ chức hoặc của hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu tài sản chung gắn liền với đất;</li> </ul>	0,5
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền công nhận; thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp để xử lý nợ; quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai, quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; văn bản công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất phù hợp với pháp luật;</li> <li>- Xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề;</li> <li>- Có thay đổi về những hạn chế quyền của người sử dụng đất.</li> </ul>	0,5
<b>Tổng điểm câu 2</b>			<b>2,0 đ</b>
<b>3</b>		Mảnh 1: 854470-5-(16)	0,25
		Mảnh 2: 854470-6-(13)	0,25
		Mảnh 3: 854470-6-(14)	0,25
		Mảnh 4: 854470-9-(1)	0,25
		Mảnh 5: 854470-9-(2)	0,25
		Mảnh 6: 854470-8-(8)	0,25
		Mảnh 7: 854470-9-(5)	0,25
		Mảnh 8: 854470-9-(6)	0,25
		Vẽ hình	2,0
<b>Tổng điểm câu 3</b>			<b>4,0 đ</b>

Câu	Phần	Nội dung	Điểm
4		Diện tích thửa đất: $A = \frac{1}{2} \sum_{i=1}^n X_i (Y_{i+1} - Y_{i-1})$ $= \frac{1}{2} [X_1(Y_2 - Y_6) + X_2(Y_3 - Y_1) + X_3(Y_4 - Y_2) + X_4(Y_5 - Y_3) + X_5(Y_6 - Y_4) + X_6(Y_1 - Y_5)]$	1,0
		A= 502,68m <sup>2</sup>	1,0
<b>Tổng điểm câu 4</b>			<b>2,0 đ</b>